

Cảm biến áp suất SPAF-

Số bộ phận: 8181300

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Áp suất tương đối
Phương pháp đo lường	Cảm biến áp suất Piezoresistive
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	-0.1 MPA -1 bar
Giá trị ban đầu dải đo áp suất	-14.5 psi
Dải đo áp suất Giá trị cuối	1 MPA 10 bar
Dải đo áp suất giá trị cuối	145 psi
Áp suất quá tải	1.5 MPA
áp suất quá tải	15 bar 217.5 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Dầu este < 0,1mg/m ³ , theo ISO 8573-1:2010 [:-:2] Có thể hoạt động bằng dầu
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Độ chính xác theo ±% FS	1.5 %FS
Độ chính xác lặp lại theo ± %FS	0.3 %FS
Hệ số nhiệt độ tính bằng ±% FS / K	0.05 %FS/K
Đầu ra chuyển mạch	PNP/NPN có thể chuyển đổi
Chức năng chuyển mạch	Bộ so sánh cửa sổ Bộ so sánh ngưỡng Giá trị ngưỡng có độ trễ thay đổi
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi
Thời gian bật	3 ms
Thời gian tắt	3 ms
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA

Đặc tính	Giá trị
Đầu ra tương tự	0 - 10 V 1 - 5 V
Đường cong đặc tính giá trị ban đầu của đầu ra	0 V
Giá trị cuối của đặc tính đầu ra	10 V
Độ chính xác đầu ra analog tính bằng $\pm\%$ FS	1.5 %FS
Sai số tuyến tính trong $\pm\%$ FS	0.3 %FS
Thời gian tăng	6 ms
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	20 kOhm
Vùng hiển thị giá trị ban đầu	0 %FS
Vùng hiển thị giá trị cuối	100 %FS
Chống chịu ngắn mạch	có
Giao thức	Kết nối IO-Link
IO-Link, ID sửa đổi	V1.1
IO-Link, biên dạng thiết bị	Cập nhật firmware định vị chức năng Chức năng URI sản phẩm Chức năng Phát hiện số lượng Cảm biến thông minh - SSP 4.1.1
IO-Link, tốc độ truyền	COM3
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, loại cổng	Class A
IO-Link, chiều dài dữ liệu quy trình đầu ra	0 bit
IO-Link, độ dài dữ liệu quy trình đầu vào	32 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	Đọc áp suất MDC 16 bit Giám sát áp suất 2 bit SSC
IO-Link, nội dung dữ liệu dịch vụ IN	Nhiệt độ 16 bit
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	0.9 ms
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	0.5 KB
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	3 ...4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa chốt Khóa vít không thể xoay được
Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích	Tương thích với khóa nhanh Tương thích với khóa vít có thể xoay
Vật liệu vỏ phích cắm	Đồng thau, mạ niken
Kiểu gắn	tùy ý: với ren ngoài với phụ kiện
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Cổng nối khí nén	Ren ngoài G1/8 QS-4 QS-6
trọng lượng sản phẩm	30 g...45 g
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Vật liệu tiếp xúc môi chất	Thép không gỉ NBR PA gia cố
Kiểu hiển thị	LCD phát sáng màu xanh lam Màn hình LED
Chỉ báo sẵn sàng	LED xanh lá
Mức độ bảo vệ	IP65
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L

Đặc tính	Giá trị
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% trọng lượng đồng không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là bo mạch, đường dây, bộ kết nối điện và cuộn dây
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1